

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 9 - 2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng

Ông Huỳnh Mậu Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4-1, lộ P, Khóm 011, thôn Q, làng R, huyện S, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2022 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị A trình bày:

Chị và anh B quen biết nhau do chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Chị và anh B tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2019 ngày 22/8/2019. Sau khi kết hôn chị và anh B chung sống khoảng một tuần tại nhà cha mẹ chị, sau đó anh B trở về Đài Loan và không làm thủ tục bảo lãnh chị sang Đài Loan. Chị và anh B không còn liên lạc với nhau từ tháng 9/2019 đến nay; tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh B, không có biện pháp nào hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh B trình bày tại văn bản đề ngày 01/7/2022:

Anh và chị A tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi kết hôn anh nộp hồ sơ vào Văn phòng Văn hóa và Kinh tế Đài Bắc để xin phỏng vấn cấp visa sang Đài Loan đoàn tụ vợ chồng, nhưng không được thông qua. Từ đó hai bên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Từ tháng 9 năm 2019 anh về Đài Loan đến nay, anh không sang Việt Nam nữa, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tan vỡ, không có biện pháp nào hàn gắn nên đồng ý ly hôn với chị A. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu tranh luận của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị A đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam, khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh B cư trú tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Chị A và anh B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị A và anh B.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và anh B tự nguyện kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31/2019 ngày 22/8/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam công nhận và bảo vệ.

Chị A yêu cầu ly hôn với anh B. Anh B có Văn bản đề ngày 01/7/2022 từ Đài Loan gửi về có hợp pháp hóa lãnh sự đúng theo quy định, nội dung xác định từ năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm; chị A yêu cầu

ly hôn, anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, không có biện pháp hàn gắn. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

[3] Trong quá trình chung sống chị A và anh B xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

1. Về hôn nhân: Cho chị A ly hôn với anh B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí:

Án phí dân sự về Hôn nhân và gia đình chị A phải chịu 300.000 đồng. Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0000218 ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện O;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thu Hương

